

Bản án số: 177/2025/DS-PT

Ngày: 17-9-2025

V/v tranh chấp quyền về lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Diệu

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 214/2025/QĐXXPT-DS ngày 26/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hòa). (có mặt).

Bị đơn: Ông Võ Tân C, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn 5, xã N, tỉnh Khánh Hòa). (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; (có mặt).
2. Bà Võ Thị Lệ H, sinh năm 1992;
3. Ông Võ Hoài T, sinh năm 1995;
4. Bà Võ Lệ Hoài T, sinh năm 2008

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Thôn 5, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa).

Bà H, ông T, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Sơn: Ủy ban nhân dân xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: Số 219 đường Lê Duẩn, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Nguồn gốc đất của gia đình bà do Hợp tác xã cấp khoảng năm 1985-1986 và khai hoang thêm canh tác sử dụng từ đó đến nay. Con đường mà gia đình bà tranh chấp với bà Nguyễn Thị T, ông Võ Tân C đã có từ trước, chiều rộng khoảng 6 mét, dài thẳng ra đến mương, đường không được bằng phẳng, phía Tây có con mương nước nhỏ để tưới tiêu nay được xây mương bê tông. Ngoài gia đình bà, còn nhiều hộ dân khác đều đi con đường này để vận chuyển máy móc vào canh tác, vận chuyển nông sản thu hoạch. Diện tích đất bà T, ông C đang canh tác đều do nhận chuyển nhượng của các hộ dân gồm của gia đình bà, ông Hồ Văn T, ông Nguyễn Văn K... Đến tháng 6/2023, ông C, bà T rào lại lối đi chung, không cho các hộ dân đi vì cho rằng con đường này do gia đình ông bà đổ đất làm đường. Do đó, bà yêu cầu ông C và bà T tháo dỡ hàng rào, trả lại lối đi chung vào nội đồng lúa thuộc Khu phố 5, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Tân C và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Con đường bà Nguyễn Thị K tranh chấp là của gia đình bà đổ đất và công sức ra làm, chứ không phải đường đi chung. Năm 1993, gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Võ Hoài T, bà Võ Thị P và khai hoang thêm, trong đó có một số diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn một số diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, gia đình bà làm hàng rào ngang đường là để bảo vệ, không cho bò dê vào phá hoa màu của gia đình. Diện tích con đường này đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Lệ H, ông Võ Hoài T và bà Võ Lệ Hoài T thống nhất ý kiến với ông Võ Tân C và bà Nguyễn Thị T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Khánh Hòa) quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 170, 171 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 175, 176 và Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K. Buộc ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị T tháo dỡ 02 trụ bê tông, lưới B40 trả lại lối đi chung ra vào đường nội đồng tại khu vực Xứ đồng núi Bà Sơ ở Khu phố 5, thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (Theo đo đạc chính lý thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh huyện Ninh Sơn ngày 22/4/2025).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quy định chung về thi hành án và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2025, bà Nguyễn Thị T là đại diện ủy quyền của bị đơn ông Võ Tân C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Võ Tân C giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nội dung kháng cáo nên xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn thực hiện tháo dỡ, trả lại lối đi chung là không đúng quy định đối với bản chất pháp lý của vụ việc, quan hệ pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T là đại diện ủy quyền của bị đơn ông Võ Tân C có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 07/7/2025, bà T có đơn kháng cáo. Như vậy, đơn kháng cáo của bà T là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết đơn kháng cáo nêu trên theo thủ tục phúc

thăm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Tân C xác định tự tham gia tố tụng, không yêu cầu bà Nguyễn Thị T làm đại diện ủy quyền của ông nữa.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Võ Tân C và bà Nguyễn Thị T tháo dỡ hàng rào, trả lại lối đi chung cho mọi người, trong đó có gia đình bà. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp lối đi qua” là không chính xác. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp lối đi chung do nhà nước quản lý.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Tân C:

Ông Võ Tân C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng toàn bộ diện tích đất làm con đường là của gia đình bà nhận chuyển nhượng và khai hoang năm 1993, con đường này do gia đình bị đơn bỏ đất làm đường và tu sửa, chứ không phải con đường của nhà nước và bị đơn đã được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất một phần nên không đồng ý tháo dỡ.

Theo Văn bản số 225/CV-UBND ngày 19/6/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Ninh Sơn về việc rà soát hồ sơ địa chính thị trấn và tổ chức họp lấy ý kiến tham vấn người am hiểu nguồn gốc đất, canh tác lâu năm tại khu vực liên quan đến con đường đang phát sinh tranh chấp giữa hộ bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị T, thể hiện:

Về nguồn gốc, thời điểm hình thành con đường nội đồng: Vùng đất này được hình thành từ thời chế độ cũ, cấp đất sản xuất nông nghiệp cho dân. Do vậy, con đường cũng được hình thành từ thời chế độ cũ để phục vụ sản xuất nông nghiệp (trước năm 1975). Đặc điểm con đường thời điểm trước đây được quy hoạch khoảng 8-10m ngang. Tuy nhiên, quá trình sử dụng đất, người dân đã làm biến dạng con đường. Tại cuộc họp tham vấn ý kiến, nhân dân khẳng định tại khu vực phát sinh tranh chấp có con đường nội đồng, do nhà nước quản lý, không phải là đường do hộ gia đình, cá nhân tự mở. Con đường này phục vụ khoảng 20 hộ dân canh tác nông nghiệp, đi lại và tháo nước sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, xung quanh con đường này các hộ dân đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại tờ bản đồ địa chính số 09, chỉ thể hiện có con mương thủy lợi, không thể hiện con đường. Theo ý kiến tham vấn của nhân dân, thời điểm hình thành con mương là sau khi đã có đường nội đồng này, đến năm 2014 nhà nước bê tông hóa mương đất.

Hành vi xây dựng hàng rào tạm (02 trụ bê tông, lưới B40) của ông Võ Tân C, bà Nguyễn Thị T để ngăn chặn lối đi chung ra vào cánh đồng lúa tại khu vực Xứ đồng núi Bà Sơ thuộc Khu phố 5, thị trấn T, huyện Ninh Sơn là xâm phạm đất do Nhà nước quản lý, không phải là phát sinh quan hệ tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa các cá nhân. Lối đi mà nguyên đơn khởi kiện là đường đi công cộng, không thuộc quyền sử dụng của bất kỳ hộ gia đình nào, là đất giao thông nông thôn, thể hiện rõ trong hồ sơ địa chính thị trấn T.

Căn cứ vào hồ sơ địa chính của Ủy ban nhân dân thị trấn T, lời khai những người làm chứng và nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương

sự thể hiện, con đường đang tranh chấp là đường đi chung, được xác lập từ trước và tồn tại ổn định trong cộng đồng dân cư địa phương. Đây là tuyến đường không nằm trong quyền sử dụng của bất kỳ cá nhân nào, mà thuộc quản lý chung của Nhà nước theo quy định của pháp luật đất đai. Việc ông C, bà T tự ý rào chắn, ngăn cản việc đi lại của hộ liền kề không phát sinh từ mâu thuẫn dân sự về quyền sử dụng đất hay quyền tài sản, mà là hành vi xâm phạm phần đất công, là hành vi vi phạm pháp luật hành chính trong lĩnh vực đất đai, phải được xử lý bằng cơ chế quản lý nhà nước, thông qua các biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, nguyên đơn không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì đất tranh chấp là đường chung, thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013 nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm, sử dụng đất trái pháp luật. Theo Điều 203 Luật Đất đai, thẩm quyền xử lý những hành vi như vậy thuộc về Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Mặt khác, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, là quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức với nhau về quyền tài sản hoặc nhân thân. Trường hợp này, do phần đất tranh chấp không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của các đương sự, không có mâu thuẫn phát sinh từ quan hệ dân sự, nên Tòa án không có căn cứ thụ lý và giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Việc chiếm dụng, xây dựng trên phần đất công đều là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, chịu sự điều chỉnh của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp dân sự về lối đi chung theo quy định của Bộ luật Dân sự và thụ lý quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền về lối đi qua”, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn thực hiện tháo dỡ, trả lại lối đi chung là không không đúng quy định đối với bản chất pháp lý của vụ việc, quan hệ pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung kháng cáo của bị đơn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Võ Tân C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ, trích lục tại giai đoạn phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí là 3.065.000 đồng. Bà K có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền 3.065.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Tân C. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Khánh Hòa) và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Khấn.

2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Võ Tân C, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Võ Tân C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Võ Tân C 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000161 ngày 14/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Khánh Hòa.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Buộc ông Võ Tân C, bà Nguyễn Thị Tình phải chịu 2.705.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.705.000 đồng mà bà Khấn đã nộp chi phí tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ.

Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.065.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Khu vực 7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng